

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index đã giảm xuống mức 1,217 điểm trong phiên sáng và hồi phục nhẹ đầu phiên chiều trước khi đóng cửa tại mốc 1,218.57 điểm, tương ứng giảm -1.08% so với phiên ngày trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực, với 16/18 ngành có phiên giao dịch giảm điểm. Trong đó ngành Truyền thông dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính, Bán lẻ,... Ở chiều ngược lại ngành Bảo hiểm, Hàng & Dịch vụ Công nghiệp tăng điểm. Khối ngoại tiếp tục duy trì đà bán ròng, với giá trị bán ròng là 1,429.54 tỷ đồng, cao nhất kể từ trong tháng 11. Xu hướng suy giảm vẫn đang diễn ra, chỉ số VN-Index có thể tiến về vùng hỗ trợ 1200 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 15/11/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-13.32** điểm, đóng cửa tại **1218.57** điểm. HNX-Index **-2.29** điểm, đóng cửa tại **221.53** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HVN (+2.76)**, **VTP (+1.19)**, **VCB (+0.45)**, **SIP (+0.42)**, **QCG (+0.36)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-6.42)**, **VHM (-4.83)**, **GVR (-4.65)**, **CTG (-3.73)**, **VPB (-3.68)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,175** tỷ đồng, tăng **19.21%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,623 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 12.56 điểm. Thị trường có **75** mã tăng, 49 mã tham chiếu, **305** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1318.19** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-699.69 tỷ)**, **FPT (-338.25 tỷ)**, **SSI (-208.45 tỷ)**, **VNM (-112.40 tỷ)**, **VPB (-76.90 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-19.72** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.53%**. Các mã diễn biến tích cực: **GMD (+1.22%)**, **VHM (+0.12%)**, **VNM(0.00%)**.
- BSC50 **-1.70%**. Các mã diễn biến tích cực: **VSC (+4.37%)**, **HAH (+4.12%)**, **TNG (+0.79%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.53%	-1.70%	-1.14%	-1.33%
1 tuần	-1.03%	-0.18%	-1.09%	-1.70%
1 tháng	-0.42%	0.85%	-0.37%	-0.89%
3 tháng	-1.24%	-2.82%	-1.43%	1.52%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,218.57	221.53	91.33
% 1D	-1.08%	-1.02%	-0.59%
GTGD (tỷ VND)	16,175	1,135	790
%1D	19.21%	27.64%	8.53%
GDNN (tỷ VND)	-1318.19	-19.72	18.88

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KBC	74.63	VHM	-699.69
CTG	35.62	FPT	-338.25
ILB	31.67	SSI	-208.45
VTP	26.75	VNM	-112.40
CMG	25.80	VPB	-76.90

Thị trường thế giới

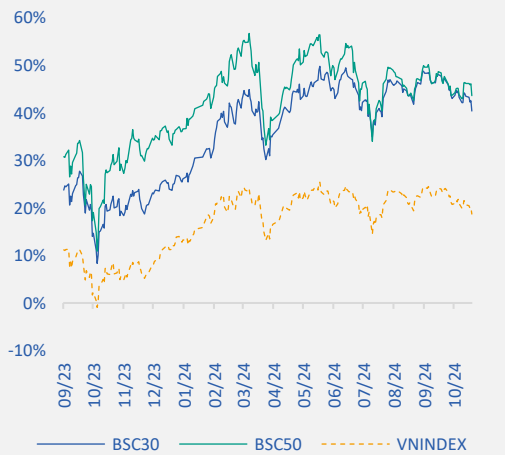
		%D	%W
SPX	5,949	-0.61%	-0.40%
FTSE100	8,066	-0.07%	-0.08%
Eurostoxx	4,815	-0.27%	0.23%
Shanghai	3,333	-1.39%	-3.46%
Nikkei	38,638	0.35%	-2.11%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	74.92	-0.81%
Giá vàng	2,668	
Tỷ giá		
USD/VND	25,470	0.04%
EUR/VND	27,969	-1.31%
JPY/VND	168	-0.59%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	-0.01%
LS LNH 1M	4.3%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



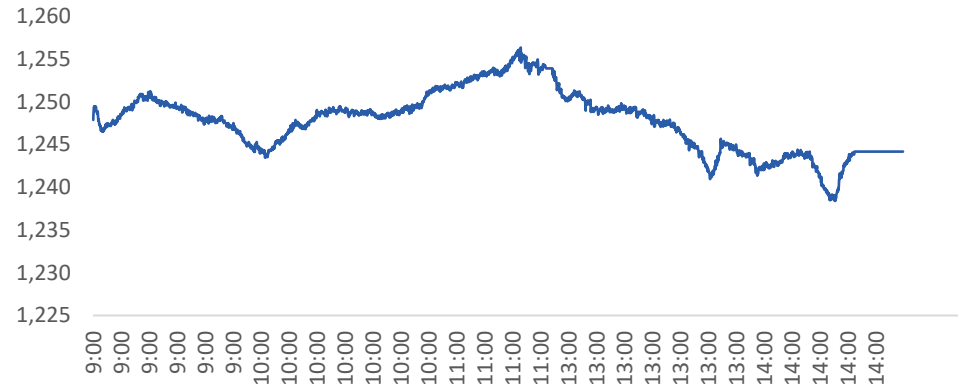
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2411	1275.60	-1.34%	253,262	0.69%	11/21/2024	6
VN30F2412	1280.00	-1.23%	4,003	185.32%	12/19/2024	34
VN30F2503	1284.40	-1.16%	111	58.57%	3/20/2025	125
VN30F2506	1285.10	-1.37%	144	63.64%	6/19/2025	216

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -15.43 điểm, đóng cửa tại 1271.22 điểm. Biên độ dao động 13.86 điểm. Các cổ phiếu như TCB, VPB, MBB, VHM, ACB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ, chỉ số giảm hơn 13 điểm so với phiên giao dịch trước. Khuyến nghị nhà đầu tư duy trì nắm giữ một vị thế an toàn và tránh các quyết định mua đuổi giá.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2411,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMSN2401	3/6/2025	111	202,300	-78.07%	8.20	910	0.0%	7.81	15.48	70.60	70.60
CSTB2403	12/6/2024	21	288,100	-80.99%	3.00	790	-1.3%	7.35	6.16	32.40	32.40
CHPG2402	5/21/2025	187	307,800	-74.38%	2.82	1,400	-2.1%	8.49	6.64	25.90	25.90
CVHM2402	3/6/2025	111	96,500	-72.80%	4.15	1,700	-2.3%	9.04	10.95	40.25	40.25
CSTB2402	5/21/2025	187	866,500	-74.26%	3.00	1,780	-4.3%	9.82	8.34	32.40	32.40
CVPB2403	3/6/2025	111	122,200	-81.07%	1.90	820	-4.7%	8.41	3.54	18.70	18.70
CVPB2401	5/21/2025	187	944,200	-78.98%	1.99	1,020	-4.7%	8.82	3.93	18.70	18.70
CVIB2305	1/9/2025	55	431,000	-80.62%	1.78	360	-5.3%	3.38	3.52	18.15	18.15
CMBB2402	5/21/2025	187	721,300	-77.60%	2.35	1,490	-6.3%	10.84	5.26	23.50	23.50
CFPT2314	1/9/2025	55	1,066,700	-57.37%	8.64	5,610	-6.5%	14.51	57.08	133.90	133.90
CMBB2404	3/6/2025	111	597,300	-80.89%	2.35	1,070	-7.8%	10.59	4.49	23.50	23.50
CFPT2317	11/21/2024	6	2,400	-59.44%	8.72	3,520	-8.1%	9.67	54.31	133.90	133.90
CSTB2404	3/6/2025	111	174,100	-78.33%	3.10	980	-8.4%	7.34	7.02	32.40	32.40
CMWG2314	1/9/2025	55	3,034,100	-74.82%	5.16	1,000	-9.1%	5.52	15.08	59.90	59.90
CMBB2315	1/9/2025	55	86,900	-69.52%	1.96	1,330	-10.1%	5.51	7.16	23.50	23.50
CSTB2337	11/21/2024	6	22,800	-74.38%	2.70	800	-12.1%	4.24	8.30	32.40	32.40
CHPG2342	11/21/2024	6	266,600	-76.49%	2.18	430	-12.2%	2.61	6.09	25.90	25.90
CMWG2401	5/21/2025	187	558,600	-78.80%	6.55	1,550	-17.6%	13.48	12.70	59.90	59.90
CFPT2401	12/6/2024	21	1,787,100	-82.56%	12.48	1,260	-19.2%	14.07	23.36	133.90	133.90
CVNM2401	5/21/2025	187	1,676,200	-77.59%	6.38	1,020	-20.9%	7.43	14.27	63.70	63.70

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 15/11/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CMSN2403 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 66.67%. CFPT2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 23.47%.
- CFPT2314, CFPT2317, CMBB2315, CVHM2402, và CSTB2402 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.
- CVNM2315, CFPT2314, CSTB2333, CFPT2401, và CMWG2401 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VCB	91.70	-0.33%	0.23
BVH	44.40	0.11%	0.04
BCM	68.00	-0.87%	0.03

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
TCB	22.45	-1.54%	-8.54
VPB	18.70	-1.58%	-8.48
MBB	23.50	-1.26%	-6.74
VHM	40.25	-0.25%	-6.26
ACB	24.40	-0.61%	-6.17

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	25.60	-2.48%	2.76	2.21
VTP	122.50	6.99%	1.19	0.12
VCB	91.70	-0.33%	0.45	5.59
SIP	81.90	-0.12%	0.42	0.21
QCG	12.80	-2.29%	0.36	0.28

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HGM	148.00	1.72%	0.74	0.01
VCS	67.80	-0.29%	0.58	0.16
VIF	17.10	1.18%	0.32	0.35
DHT	72.20	4.34%	0.27	0.08
TFC	40.80	-3.77%	0.23	0.02

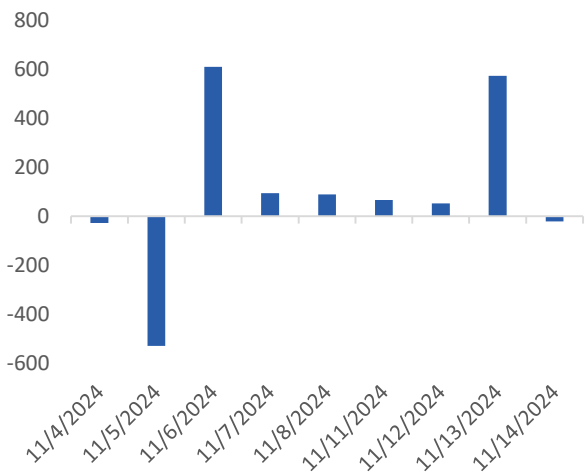
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	44.70	-1.76%	-6.42	5.70
VHM	40.25	-0.25%	-4.83	4.35
GVR	31.00	-1.59%	-4.65	4.00
CTG	33.10	-1.49%	-3.73	5.37
VPB	18.70	-1.58%	-3.68	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	34.00	-2.86%	-1.90	0.48
SHS	13.20	-2.94%	-1.43	0.81
MBS	26.50	-2.93%	-1.27	0.55
CEO	14.10	-2.76%	-0.34	0.54
VGS	31.00	-3.43%	-0.27	0.06

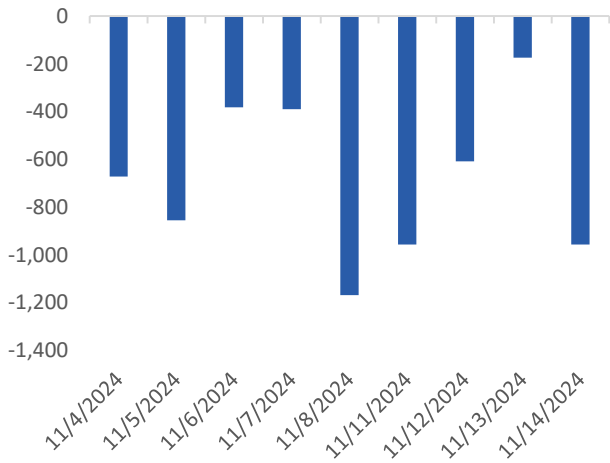
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	91.7	-0.30%	0.7	20,234	5.5	6,194	14.8	-	23.3%	Link
BID	Ngân hàng	44.7	-1.80%	1.4	10,060	4.0	4,106	10.9	-	17.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.7	-1.60%	1.0	5,857	12.3	1,663	11.2	-	25.4%	Link
TCB	Ngân hàng	22.4	-1.50%	1.3	6,244	12.8	3,207	7.0	-	22.2%	Link
MBB	Ngân hàng	23.5	-1.30%	1.1	4,923	10.9	4,021	5.8	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	32.4	-0.30%	1.3	2,411	15.6	4,640	7.0	-	23.4%	Link
CTG	Ngân hàng	33.1	-1.50%	1.5	7,017	10.9	4,035	8.2	-	296.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.4	-0.60%	0.8	4,303	8.9	3,638	6.7	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	24.0	-3.00%	1.4	1,855	24.1	1,490	16.1		38.7%	Link
IDC	Xây dựng	55.9	-0.90%	1.1	728	4.7	6,634	8.4	65,700	23.0%	Link
HPG	Xây dựng	25.9	-1.50%	1.0	6,540	28.2	1,905	13.6	41,500	22.1%	Link
HSG	VLXD	18.4	-3.70%	1.5	451	8.5	828	22.2	25,300	10.5%	Link
VHM	BĐS	40.2	-0.20%	0.7	6,919	27.1	4,700	8.6	108,300	13.0%	Link
KDH	BĐS	32.6	-2.10%	1.2	1,303	4.5	522	62.6	44,500	36.6%	Link
NLG	BĐS	37.8	-2.20%	1.2	573	2.3	793	47.6	-	48.1%	Link
DGC	Hóa chất	113.2	-2.70%	1.4	1,697	8.4	7,791	14.5	115,000	18.0%	Link
DCM	Phân bón	36.6	-2.10%	1.0	765	4.6	2,917	12.5	38,700	7.0%	Link
GAS	Dầu khí	68.6	-0.60%	0.5	6,344	2.1	4,728	14.5	-	1.8%	Link
PVS	Dầu khí	34.0	-2.90%	1.0	642	7.2	1,919	17.7	57,000	21.3%	Link
PVD	Dầu khí	23.2	0.00%	1.3	509	4.2	1,211	19.2	38,400	11.5%	Link
POW	Dầu khí	11.2	-2.20%	0.6	1,040	3.4	597	18.8	17,100	3.7%	Link
VHC	Thủy sản	74.0	0.30%	1.3	656	4.3	3,814	19.4	108,500	28.8%	Link
GMD	Logistics	65.8	-1.20%	0.8	1,075	2.1	4,315	15.3	90,400	36.8%	Link
VNM	Bán lẻ	63.7	-2.00%	0.4	5,256	9.3	4,591	13.9	93,100	51.8%	Link
MSN	Bán lẻ	70.6	-1.10%	1.0	4,217	15.8	898	78.6	110,000	23.6%	Link
MWG	Bán lẻ	59.9	-2.30%	1.1	3,457	15.7	2,028	29.5	-	47.2%	Link
PNJ	Bán lẻ	91.4	-1.70%	1.0	1,219	3.2	5,960	15.3	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	41.2	-2.60%	1.8	353	2.4	1,809	22.8	66,600	22.9%	Link
FPT	Bán lẻ	133.9	-1.50%	1.1	7,776	34.7	5,129	26.1	107,900	45.9%	Link
CTR	Hạ tầng	129.5	-2.60%	1.5	585	8.4	4,640	27.9	-	9.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.7	-2.20%	1.0	2,840	9.4	4,461	5.5	1.5	17.5%	27.8%
VIB	Ngân hàng	18.2	-0.30%	1.2	2,135	10.1	2,412	7.5	1.4	4.2%	21.4%
TPB	Ngân hàng	15.6	-1.00%	1.3	1,627	10.0	1,840	8.5	1.1	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.3	-2.60%	1.1	1,160	3.9	1,687	6.7	0.8	28.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	18.0	-3.00%	0.8	1,324	3.5	1,447	12.4	1.4	3.1%	9.9%
HCM	Chứng khoán	26.4	-2.60%	1.7	750	12.6	1,409	18.7	1.8	45.4%	10.6%
VCI	Chứng khoán	32.3	-2.00%	1.5	916	13.9	1,419	22.8	2.1	14.4%	9.6%
VND	Chứng khoán	13.7	-2.10%	1.4	823	5.9	1,503	9.1	1.1	12.4%	15.0%
BSI	Chứng khoán	43.3	-2.60%	1.8	381	1.8	1,732	25.0	1.9	40.1%	9.3%
SHS	Chứng khoán	13.2	-2.90%	1.6	424	4.8	1,178	11.2	1.0	4.5%	10.5%
CTD	Xây dựng	66.0	-0.50%	1.4	260	3.7	3,361	19.6	0.8	49.0%	3.6%
HHV	Xây dựng	10.7	-2.70%	1.5	183	1.4	835	12.8	0.5	8.0%	4.4%
LCG	Xây dựng	9.9	-1.50%	1.5	76	0.8	825	12.0	0.8	2.1%	5.7%
SZC	Xây dựng	42.2	2.30%	1.0	300	8.3	1,572	26.9	2.5	3.1%	12.1%
SIP	Xây dựng	81.9	-0.10%	1.3	681	3.0	5,635	14.5	4.1	2.7%	29.0%
PHR	BĐS KCN	55.1	-2.00%	0.9	295	0.4	2,858	19.3	1.9	18.1%	12.1%
DIG	BĐS	20.0	-0.70%	1.6	482	6.8	135	148.5	1.6	4.6%	1.1%
CEO	BĐS	14.1	-2.80%	1.9	301	2.6	316	44.6	1.3	5.0%	2.1%
KBC	BĐS KCN	29.4	2.40%	1.5	889	14.0	549	53.4	1.2	19.1%	1.7%
VGC	BĐS KCN	43.8	1.20%	1.3	775	4.4	1,312	33.4	2.4	3.8%	8.2%
GVR	BĐS KCN	31.0	-1.60%	1.6	4,895	3.8	851	36.4	2.4	0.4%	6.5%
NKG	BĐS KCN	19.1	-3.80%	1.5	198	5.6	1,736	11.0	0.9	7.5%	7.4%
BMP	Vật liệu	121.0	-2.00%	1.1	391	0.9	12,420	9.7	3.4	84.2%	34.6%
IJC	Hạ tầng	13.2	-0.80%	1.3	197	0.7	729	18.1	1.0	4.6%	6.0%
DXG	BĐS	16.2	0.90%	1.5	460	9.8	197	81.9	1.1	18.2%	1.9%
VRE	Bất động sản	18.2	0.60%	1.3	1,633	7.6	1,795	10.1	1.0	21.2%	11.9%
PDR	Bất động sản	20.0	-2.70%	1.7	688	6.3	500	39.9	1.6	7.3%	5.0%
DIG	Bất động sản	20.0	-0.70%	1.6	482	6.8	135	148.5	1.6	4.6%	1.1%
HUT	Xây dựng	16.2	0.00%	0.9	571	1.8	75	215.5	1.7	1.6%	1.7%
C4G	Xây dựng	7.8	-2.50%	1.0	-	0.2	573	13.6	0.7	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	37.6	-4.00%	1.7	164	5.9	2,122	17.7	2.8	3.1%	15.2%
DHC	Hóa chất	34.5	-0.30%	1.0	110	0.1	3,330	10.4	1.4	39.4%	13.3%
DRC	Cao su	27.0	-0.70%	0.8	127	0.7	2,259	12.0	1.7	9.4%	16.5%
PC1	Điện	22.1	-3.70%	1.0	312	2.0	1,511	14.6	1.3	11.4%	6.1%
HDG	BĐS	27.3	-2.00%	1.3	362	4.8	2,116	12.9	1.5	15.4%	11.8%
GEX	Điện	18.4	1.10%	1.4	624	6.6	1,207	15.2	1.2	6.5%	7.0%
QTP	Điện	13.6	0.00%	0.6	-	0.1	1,500	9.1	1.1	0.9%	11.2%
PLX	O&G	38.4	-1.40%	0.7	1,926	1.1	2,350	16.3	1.9	17.7%	13.8%
BSR	O&G	18.9	-3.10%	1.0	-	3.7	966	19.6	1.1	0.0%	13.4%
PLC	O&G	21.0	-2.30%	1.4	67	0.1	611	34.4	1.4	0.3%	4.7%
ANV	Thủy sản	18.2	0.30%	1.2	191	1.8	315	57.7	0.8	0.7%	1.2%
PTB	Gỗ	63.0	1.30%	1.1	166	0.8	4,944	12.7	1.5	24.3%	11.9%
VSC	Logistics	17.4	-2.50%	1.3	198	4.5	737	23.7	1.2	2.8%	7.3%
HAH	Logistics	47.5	-1.00%	1.0	228	6.0	3,571	13.3	1.9	11.0%	10.6%
DBC	Logistics	26.1	-2.40%	1.6	345	8.0	1,604	16.3	1.3	7.9%	5.0%
FRT	Bán lẻ	166.0	0.00%	0.8	893	3.1	775	214.3	12.5	37.5%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.0	-0.40%	0.5	-	0.6	6,553	7.5	1.9	12.1%	28.7%
TNG	Dệt may	25.0	-2.00%	1.1	121	2.2	2,427	10.3	1.6	17.3%	14.7%
PVT	O&G	27.6	-1.30%	1.0	387	2.0	3,130	8.8	1.3	12.7%	14.2%
DPM	Phân bón	33.7	-1.30%	1.1	521	2.3	1,700	19.8	1.2	7.6%	5.5%
REE	Tiện ích	65.0	0.00%	1.0	1,209	2.1	3,860	16.8	1.7	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
13	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
14	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
15	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
16	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
18	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660